

Số: 08 /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT) và Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT)

1. Bổ sung khoản 13 Điều 3 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“13. *Miễn kiểm định lần đầu* là việc đơn vị đăng kiểm căn cứ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất, lắp ráp hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu và các giấy tờ liên quan theo quy định tại Thông tư này để lập hồ sơ phương tiện, quản lý, lưu trữ theo quy định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định mà không phải thực hiện việc kiểm tra, đánh giá phương tiện.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“5. Xe cơ giới kiểm định lại ngay trong ngày làm việc tại cùng một đơn vị đăng kiểm, đơn vị đăng kiểm chỉ kiểm định lại các hạng mục không đạt. Riêng đối với các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh hoặc hệ thống lái nếu có hạng mục không đạt thì phải kiểm tra lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh hoặc hệ thống lái tương ứng. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc tại đơn vị khác thì phải kiểm định lại tất cả các hạng mục.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT) như sau:

“d) Đối với xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu, đơn vị đăng kiểm căn cứ hồ sơ do chủ xe cung cấp, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này, tra cứu thông tin phương tiện trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trường hợp xe cơ giới chưa được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu thì đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định và cập nhật dữ liệu với nội dung “Phương tiện đã thực hiện việc cấp miễn kiểm định lần đầu” lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trường hợp xe cơ giới đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu thì không cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định.

Trường hợp xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu chỉ có Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký xe, đơn vị đăng kiểm cấp Tem kiểm định lần đầu, đồng thời cấp Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Khi chủ xe xuất trình Giấy tờ về đăng ký xe (Bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc bản chính Giấy biên nhận giữ bản chính Giấy đăng ký xe (kèm theo bản sao giấy đăng ký xe) đang thế chấp của tổ chức tín dụng hoặc bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính), đơn vị đăng kiểm phô tô Giấy đăng ký hoặc bản chính Giấy biên nhận giữ bản chính Giấy đăng ký xe (kèm theo bản sao giấy đăng ký xe) đang thế chấp của tổ chức tín dụng hoặc bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính để lưu trong Hồ sơ phương tiện, Hồ sơ kiểm định và trả Giấy chứng nhận kiểm định. Trường hợp xe cơ giới đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu thì không cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định.

Đối với xe cơ giới phải thực hiện kiểm định, đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chụp ảnh xe cơ giới để lưu trữ (có thể hiện thời gian chụp trên ảnh) như sau: 02 ảnh tổng thể thể hiện rõ biển số của xe cơ giới (01 ảnh ở góc chéo khoảng 45 độ từ phía trước bên cạnh xe và 01 ảnh từ phía sau góc đối diện); ảnh chụp số khung của xe; 02 ảnh chụp phần gầm xe (01 ảnh chụp hướng từ đầu xe, 01 ảnh chụp hướng từ cuối xe) trừ trường hợp ô tô chở người đến 09 chỗ.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 16/2021/TT-

BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT); sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT) như sau:

“a) Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định cấp cho xe cơ giới phải có cùng một số sê ri, được in từ chương trình quản lý kiểm định trên phôi do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành, có nội dung phù hợp với Hồ sơ phương tiện và dữ liệu trên chương trình quản lý kiểm định. Đối với xe cơ giới có biển số nền màu vàng, chữ và số màu đen, sê ri biển số sử dụng một trong các chữ cái A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M, N, P, S, T, U, V, X, Y, Z thì cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định loại dành cho xe cơ giới có kinh doanh vận tải; đối với các trường hợp khác cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định theo khai báo của chủ xe.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“6. Trường hợp đơn vị đăng kiểm phát hiện Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định bị làm giả hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa thì đơn vị đăng kiểm lập biên bản thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI kèm theo Thông tư này và chuyển cơ quan công an xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam và nhập thông tin vi phạm lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“1. Trong khoảng thời gian giữa hai chu kỳ kiểm định, chủ xe có trách nhiệm phải bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.”.

6. Bổ sung khoản 6 Điều 14 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“6. Tổ chức thực hiện việc tra cứu thông tin xác nhận thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này; cung cấp tài khoản để tra cứu thông tin xác nhận thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam cho lực lượng chức năng để phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm, giải quyết các vụ việc liên quan đến phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 11 và bổ sung khoản 19 Điều 16 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 16 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“9. Sử dụng Chương trình quản lý kiểm định, miễn kiểm định lần đầu, phần mềm điều khiển thiết bị do Cục Đăng kiểm Việt Nam công bố.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 16 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“11. Tiếp nhận đăng ký kiểm định thông qua một trong các hình thức: trực tiếp, qua điện thoại, Trang thông tin điện tử, qua ứng dụng đăng ký trực tuyến cho xe cơ giới.”.

c) Bổ sung khoản 19 Điều 16 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT như sau:

“19. Cảnh báo đối với các trường hợp xe kiểm định không đạt, các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 9 của Thông tư này và xóa cảnh báo đối với trường hợp xe đã kiểm định lại đạt yêu cầu trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản, thay thế một số Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT

1. Thay thế Phụ lục I, II, III, VI, XI ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT (đã được thay thế bằng Phụ lục I, II, III, IV, V của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT) tương ứng bằng Phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung Phụ lục XX, XXI vào Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT tương ứng bằng phụ lục VI, VII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 06 năm 2023.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Các Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng đến hết thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định của ô tô chở người đến 09 chỗ không kinh doanh vận tải (có thời gian sản xuất đến 07 năm và

thời gian sản xuất từ 13 năm đến 20 năm) đã được cấp trước ngày 22 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2024 thì được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn tính theo chu kỳ quy định tại Phụ lục V của Thông tư này. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này (bản điện tử được ký số bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam và có mã QR-Code kết nối tới Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam). Chủ xe thực hiện tra cứu trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam (<https://giahanxgcg.vr.org.vn>), in Giấy xác nhận thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định. Giấy xác nhận này là giấy tờ kèm theo không tách rời của Giấy chứng nhận kiểm định đã được cấp để tham gia giao thông đường bộ theo quy định;

c) Quy định tại điểm b khoản này không áp dụng cho các trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định hết hiệu lực trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đình Thọ